CHỦ ĐỀ 1

TRUNG BÌNH CỘNG

Bài 1. Tìm trung bình cộng của :

a. 45; 78 và 99.
b. 56; 60; 96 và 120.
c. 2; 4; 6; 8; …; 96; 98.

Bài 2. Tìm trung bình cộng của :

a. Số lớn nhất có hai chữ số và số nhỏ nhất có hai chữ số giống nhau.
b. Số bé nhất có 3 chữ số khác nhau và số chẵn lớn nhất có 2 chữ số khác nhau.
c. Năm số tự nhiên đầu tiên.

Bài 3. Cửa hàng lương thực chở gạo làm hai chuyến. Chuyến một có 3 xe, mỗi xe chở 1tạ 25 kg gạo. Chuyến hai có 5 xe, chở tất cả 58yến 5 kg gạo. Trung bình mỗi xe chở bao nhiêu kg gạo ?

Bài 4. Một ô tô đi từ Hà Nội về Thanh Hóa hết 3 giờ và từ Thanh Hóa đi ra Hà Nội hết 4 giờ. Biết quãng đường Hà Nội – Thanh Hóa dài 245 km. Hỏi trung bình cả đi lẫn về, mỗi giờ ô tô đó đi bao nhiêu km ?

Bài 5. 10 người công nhân chia làm ba tổ trồng cây, trung bình mỗi người trồng 20 cây. Biết tổ I có 3 người, mỗi người trồng 18 cây, tổ II có 3 người, trồng tất cả 62 cây. Hỏi mỗi người của tổ III trồng bao nhiêu cây ?

Bài 6. Xuân có 18 tem thư, Nga có 24 tem thư. Hoa có ít hơn trung bình cộng số tem thư của cả ba bạn là 6 tem thư. Hỏi Hoa có bao nhiêu tem thư ?

Bài 7. Hà có 16 tập vở. Bình có 24 tập vở. Nhung có nhiều hơn trung bình cộng số tập vở của ba bạn là 4 tập vở. Hỏi Nhung có bao nhiêu tập vở ?

Bài 8. Đội công nhân chia làm ba tổ sửa đường. Tổ I có 3 người, mỗi người sửa 17 m đường. Tổ II có 4 người, mỗi người sửa 19 m đường. Tổ III có 3 người, sửa tất cả 53 m đường. Trung bình mỗi người của đội công nhân sửa bao nhiêu m đường ?

CHỦ ĐỀ II

TÌM HAI SỐ KHI BIẾT TỔNG VÀ HIỆU

Bài 1. Lớp 4A và lớp 4B quyên góp được 2.500.000 đồng. Trong đó, lớp 4B quyên góp nhiều hơn lớp 4B là 180.000 đồng. Hỏi lớp 4B quyên góp được bao nhiêu đồng ?

Bài 2. Có hai bao gạo, trung bình mỗi bao đựng 45kg gạo. Nếu có bao 1 có thêm 4kg nữa thì số gạo hai bao bằng nhau. Tìm số gạo của mỗi bao ?

Bài 3. Hai đội công nhân tham gia sửa đường, trung bình mỗi đội sửa 28 m đường. Biết đội thứ nhất sửa nhiều hơn đội thứ hai 8 m đường. Tìm số m đường mỗi đội công nhân đã sửa ?

Bài 4. Tổng số tuổi hiện nay của hai mẹ con là 36 tuổi. Biết 2 năm trước, mẹ hơn con 24 tuổi. Tìm số tuổi mỗi mẹ con hiện nay ?

Bài 5. Mảnh đất hình chữ nhật có chu vi là 56 m, biết chiều dài hơn chiều rộng 8 m. Tìm diện tích mảnh đất hình chữ nhật đó ?

Bài 6. Có hai bao đựng gạo, đựng tất cả 88 kg gạo. Nếu lấy ra ở bao thứ nhất 3 kg gạo và lấy ra ở bao thứ hai 5 kg gạo thì số gạo trong bao thứ nhất ít hơn số gạo trong bao thứ hai là 10 kg gạo. Mỗi bao có bao nhiêu kg gạo ?

Bài 7. Hai can đựng dầu, đựng tất cả 70 lít dầu, nếu chuyển 4 lít dầu từ can thứ nhất sang can thứ hai thì số dầu can thứ nhất vẫn nhiều hơn số dầu trong can thứ hai là 6 lít dầu. Hỏi mỗi can có bao nhiêu lít dầu ?

Bài 8. Số bé là số có ba chữ số. Nếu viết thêm chữ số 8 vào trước số bé thì ta được số lớn. Tìm hai số đó, biết tổng hai số là 9690 đơn vị.

CHỦ ĐỀ III

THỰC HIỆN PHÉP TÍNH - TÍNH GIÁ TRỊ BIỂU THỨC

TÌM THÀNH PHẦN CHƯA BIẾT CỦA PHÉP TÍNH

Bài 1. Tính giá trị biểu thức sau :

a. 478 672 – (345 781 – 3 666) : 5

b. 162 782 × 5 + 378 211

Bài 2. Tính hợp lý giá trị biểu thức :

a. 4535 + 3942 + 5465 + 6058

b. 98721 + 27832 – 8721 – 17832

Bài 3. Tính giá trị của biểu thức với m, a, b là các số tự nhiên khác 0.

a. (2019 + m : m – 1020) : 5

b. (4722 – a : a – b : b) : 2

Bài 4. Tìm *x*, biết :

a. $x:5-2172=2817$

b. $x\times 3-1233=3021$

CHỦ ĐỀ IV

ĐỔI ĐƠN VỊ ĐO THỜI GIAN – KHỐI LƯỢNG

Bài 1. Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

3dag = ……..g	15dag = …….g	7hg = ……..g
25 hg = …….g	2kg = …….g	11kg = …….g
2dag 5g = ……g	8hg 10g = ……..g	3kg 234g = ……g
4000 g = …….dg	8000g = …….hg	9000g = ……..kg

Bài 2. Tính

567g + 278 g = …….g	492dag – 235 dag = ……dag	250g × 4 = ……g
150g × 3 = ……g	548 hg : 4 = …… hg	3642g : 3 = ……..g

Bài 3. Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống :

2 tạ 6kg < 206 kg	☐	125g × 8 = 1000g	☐
5 tấn 9 kg = 5009 kg	☐	7hg 5g = 750g	☐
7kg 65g > 7056g	☐	640kg : 4 < 200g	☐

Bài 4. Cửa hàng có 1200 kg gạo. Buổi sáng, cửa hàng bán $\frac{1}{3}$ số gạo. Buổi chiều, cửa hàng bán thêm được $\frac{1}{2}$ số gạo còn lại sau buổi sáng. Hỏi cả hai buổi, cửa hàng bán bao nhiêu kg gạo ?

Bài 5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

3 phút = ... giây	5 giờ = ... phút	3 thế kỉ = ... năm
9 phút = ... giây	8 giờ = ... phút	7 thế kỉ = ... năm
$\frac{1}{3}$ phút = ... giây	$\frac{1}{4}$ giờ = ... phút	$\frac{1}{4}$ thế kỉ = ... năm
$\frac{1}{5}$ phút = ... giây	$\frac{1}{5}$ giờ = ... phút	$\frac{1}{5}$ thế kỉ = ... năm

Bài 6. Viết vào ô trống (theo mẫu)

Năm	531	938	1000	1890	1990	2018
Thuộc thế kỉ	XI					

Bài 7. Trong cuộc thi chạy tiếp sức, lượt chạy đi bạn Sơn chạy hết 3 phút 45 giây và lượt về bạn Sơn chạy ít hơn lượt chạy đi 29 giây. Hỏi cả hai lượt bạn Sơn đã chạy hết bao nhiêu phút và bao nhiêu giây ?